

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC THUẬN AN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1100 /BC-TTYT

Lái Thiêu, ngày 18 tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO
**Kết quả triển khai thực hiện “Chiến lược quốc gia
về dinh dưỡng đến năm 2025”**

Thực hiện công văn số 6382/SYT-NVY, ngày 3 tháng 11 năm 2025 của Sở y tế thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 -2030 và tầm nhìn đến 2045 .

Trung tâm Y tế khu vực Thuận An báo cáo kết quả triển khai thực hiện “Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng đến năm 2025” như sau:

I. Thông tin chung.

1. Đặc điểm tình hình.

Trung tâm Y tế khu vực Thuận An, gồm 5 phường. Dân số khoảng 623.752 người (thường trú chiếm 27,42% và tạm trú chiếm 72,58%).

Tổ chức: Trung tâm Y tế khu vực Thuận An thực hiện chiến lược quốc gia về dinh dưỡng gồm có khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản, khoa Y tế công cộng, 10 Trạm Y tế cũ (hiện tại là 5 Trạm Y tế phường và 5 điểm trạm).

Hoạt động DACTTTDDTE được triển khai đồng bộ tại các xã,- phường.

2. Tổ chức mạng lưới.

Mạng lưới tại Trung tâm Y tế khu vực Thuận An

- TTYT: CNHS: 02, CDHS: 03, 01 Y sĩ

- Xã/ phường: 5/5 xã phường và 5/5 điểm trạm đều có chuyên trách thực hiện các hoạt động của chương trình.

- Mạng lưới cộng tác viên dinh dưỡng với 112 người, rải đều khắp tất cả các khu phố, ấp của toàn của khu vực, đảm bảo mỗi khu phố, ấp có từ 1 - 2 cộng tác viên dinh dưỡng.

Mạng lưới cộng tác viên dinh dưỡng lồng ghép với cán bộ y tế khu phố, ấp phụ trách công tác chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ và trẻ em dưới 5 tuổi trong địa bàn.

II. Kết quả triển khai thực hiện Chiến lược đến năm 2025.

1. Giải pháp về chính sách

Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện CLQGDD: Ngay từ đầu năm Trung tâm Y tế tham mưu với UBND thành phố kiện toàn, thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình Y tế.

Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật liên quan đến dinh dưỡng; Chương trình sức khỏe học đường; Đề án nâng cao tầm vóc người Việt Nam: Trung tâm Y tế đã ban

hành kế hoạch hàng năm triển khai công tác dinh dưỡng học đường và nâng cao tầm vóc. Phân công cán bộ phụ trách từng lĩnh vực; phối hợp chặt chẽ với Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường học, Trạm Y tế xã/phường. Thường xuyên tham mưu cho UBND thành phố ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai phù hợp với thực tế địa phương.

Trạm Y tế xã phối hợp với các trường học triển khai các hoạt động dinh dưỡng học đường, phòng chống suy dinh dưỡng và thừa cân béo phì cho học sinh trong các trường học, đặc biệt là các trường mầm non, tiểu học, đảm bảo môi trường an toàn và tăng cường thể lực cho học sinh, truyền thông cao sức khoẻ, dinh dưỡng hợp lý, an toàn vệ sinh thực phẩm, cân đo, khám sức khoẻ định kỳ cho học sinh.

Tổ chức **khám sức khỏe định kỳ** cho học sinh các cấp học; lập hồ sơ theo dõi chiều cao, cân nặng và tình trạng dinh dưỡng.

Triển khai **truyền thông giáo dục dinh dưỡng** cho giáo viên, học sinh và phụ huynh về phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì và thói quen ăn uống lành mạnh.

Tình hình thực hiện kiểm tra, đánh giá tình hình tuân thủ các quy định của Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28/01/2016 của Chính phủ quy định về tăng cường vi chất vào thực phẩm: Tổ chức các **buổi truyền thông, phổ biến quy định pháp luật** cho cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, tiểu thương tại chợ, các hộ kinh doanh muối, dầu ăn, bột mì. Phát hành tờ rơi, pano, áp phích tuyên truyền lợi ích của việc sử dụng muối i-ốt, dầu ăn tăng cường vi chất, bột mì tăng cường sắt và kẽm. Lồng ghép nội dung tuyên truyền về vi chất dinh dưỡng vào **tháng hành động vì an toàn thực phẩm và ngày vi chất dinh dưỡng (1-2/6 hằng năm)**.

2. Công tác phối hợp liên ngành và vận động xã hội

Hàng năm Trung tâm có thực hiện ký kết hợp đồng trách nhiệm với các ban ngành đoàn thể.

Phối hợp với Đài phát thanh thành phố tăng cường công tác tuyên truyền phát thanh trên hệ thống loa đài. Ngày vi chất dinh dưỡng, tuần lễ dinh dưỡng và phát triển, chiến dịch uống cho trẻ 6-36 tháng uống Vitamin A.

3. Công tác truyền thông, giáo dục dinh dưỡng

Trung tâm Y tế.

Nhằm tăng cường phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi, hàng năm Trung tâm Y tế khu vực đều có tổ chức truyền thông hoạt động thực hành dinh dưỡng, kỹ thuật chế biến thức ăn cho bà mẹ đang mang thai, người chăm sóc trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng.

Thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục về dinh dưỡng phụ nữ có thai và bà mẹ có con dưới 5 tuổi. Tư vấn dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ nuôi con nhỏ dưới 2 tuổi về dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời. Can thiệp dinh dưỡng cho những đối tượng có nguy cơ cao.

Tổ chức các chiến dịch, lễ phát động, các buổi truyền thông trong Ngày Vi chất dinh dưỡng, Tuần lễ Nuôi con bằng sữa mẹ, Tuần lễ Dinh dưỡng và phát triển... dựa trên các công văn hướng dẫn của Bộ Y tế hàng năm. Viết bài tuyên truyền, đăng tin

Trạm Y tế

Thực hành dinh dưỡng, kỹ thuật chế biến thức ăn cho bà mẹ đang mang thai, người chăm sóc trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng,

Hợp đồng với UBND xã/ phường thực hiện phát thanh trên loa đài trong các đợt truyền thông do tuyến trên phát động: Ngày Vi chất dinh dưỡng (01/6 và 02/12), Tuần lễ “Nuôi con bằng sữa mẹ” (01-07/8), “Tuần lễ Dinh dưỡng và Phát triển” (16-23/10), và tham gia hưởng ứng các chiến dịch truyền thông có liên quan trong các ngày sức khỏe và phòng bệnh như Ngày thế giới phòng chống tăng huyết áp (17/5), Ngày đái tháo đường thế giới (14/11)

Thực hiện các hoạt động truyền thông trực tiếp cho phụ nữ mang thai, phụ nữ cho con bú, bà mẹ có con dưới 2 tuổi, người trực tiếp chăm sóc trẻ:

- + Tổ chức các hoạt động tư vấn: chế độ dinh dưỡng, chế độ nghỉ ngơi, kiến thức về việc bổ sung viên sắt/viên đa vi chất phòng chống thiếu máu thiếu sắt trong quá trình theo dõi thai nghén.

- + Truyền thông vận động nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; tiếp tục nuôi con bằng sữa mẹ đến 24 tháng tuổi và ăn bổ sung hợp lý cho trẻ.

4. Tăng cường và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (nêu cụ thể hình thức, số lượng)

Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do tuyến trên tổ chức như: Lớp tập huấn nuôi con bằng sữa mẹ, tập huấn sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh, tập huấn đánh giá khẩu phần và xây dựng bữa ăn học đường cho trẻ 5 tuổi, Hồi sức cấp cứu sơ sinh, Chăm sóc trẻ bằng phương pháp Kangaroo...

Hàng năm Trung tâm Y tế đều có hướng dẫn, tập huấn, cập nhật kiến thức cho đội ngũ chuyên trách làm tại Trạm Y tế và đội ngũ công tác viên làm công tác của DACTTTDDTE. về công tác triển khai và các kỹ thuật chuyên môn hoạt động về dinh dưỡng

5. Tổ chức triển khai hiệu quả các can thiệp dinh dưỡng (nêu cụ thể hoạt động, số lượng, kết quả)

Trung tâm Y tế

Chỉ đạo các Trạm Y tế, nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động về cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em trên địa bàn. Theo Quyết định số 1858/QĐ-BYT ngày 06/7/2022 về việc ban hành hướng dẫn thực hiện can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi.

Hỗ trợ xã/ phường triển khai hoạt động tổng cân, đo trẻ < 5 tuổi 02 đợt vào đầu tháng 6 và đầu tháng 12, và đánh giá tình trạng dinh dưỡng dinh dưỡng trẻ < 5 tuổi suy dinh dưỡng về thấp còi, nhẹ cân (cân nặng, chiều cao/tuổi), gầy còm (cân nặng/ chiều cao) và trẻ thừa cân béo phì tại địa phương. Kết hợp với tẩy giun định kỳ cho trẻ em < 5 tuổi theo hướng dẫn tại Quyết định số 6437/QĐ-BYT ngày 25/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn tẩy giun đường ruột tại cộng đồng.

Hướng dẫn chỉ đạo tuyến xã phường tổ chức chiến dịch cho trẻ 6-36 tháng tuổi uống Viatmin A một năm 2 đợt vào ngày 1-2 tháng 6 và ngày 1-2 tháng 12.

Trạm Y tế

Tổ chức cân đo, thu thập các số liệu ban đầu để đánh giá tình trạng dinh dưỡng của xã. Trẻ từ 0-24 tháng tuổi được cân, đo và theo dõi biểu đồ tăng trưởng 3 tháng/ lần; Trẻ < 60 tháng tuổi được cân, đo và đánh giá tình trạng dinh dưỡng 6 tháng/ lần (tháng 6 và tháng 12). Lồng ghép với cho trẻ bổ sung vitamin A liều cao cho trẻ từ 6-36 tháng tuổi, và kết hợp với xổ giun định kỳ. Trẻ suy dinh dưỡng được theo dõi cân đo hàng tháng.

Tăng cường chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú; hướng dẫn nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp như thảo luận nhóm, hướng dẫn trình diễn thức ăn cho trẻ em cho đối tượng là phụ nữ có thai và bà mẹ/người chăm sóc trẻ dưới 2 tuổi tại trạm y tế.

Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho các nhóm đối tượng. Rà soát lại hiện trạng, nguồn cung ứng và nguồn hỗ trợ khác nếu có, xây dựng kế hoạch và thực hiện theo các quy định hiện hành về mua sắm, cấp phát và quản lý các sản phẩm vi chất dinh dưỡng theo các nhóm đối tượng dưới đây:

Khuyến khích người dân sử dụng sản phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

Trung tâm Y tế tổng hợp dự trữ số lượng Vitamin A cần dùng cho trẻ 6-36 tháng tuổi trên địa bàn và cung ứng cho TYT số lượng Vitamin A thực hiện các chiến dịch trong năm.

6. Thực hiện hoạt động dinh dưỡng học đường tại trường học.

Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng giáo dục dinh dưỡng học đường, tổ chức bữa ăn cho học đường đảm bảo dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi.

7. Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, giám sát, tư vấn, thống kê, báo cáo về công tác dinh dưỡng.

Sử dụng phần mềm WHO Anthro để đánh giá, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em.

Giám sát định kỳ hàng tháng về kế hoạch triển khai; Sự phối hợp ban ngành; Tình hình hoạt động mạng lưới CTV; Giám sát chiến dịch: Tổng cân trẻ < 5 tuổi; Giám sát thực hiện các đợt truyền thông; Giám sát việc quản lý trang thiết bị phục vụ công tác dinh dưỡng (cân, thước đo); Giám sát việc quản lý và sử dụng kinh phí triển khai các hoạt động của dinh dưỡng theo quy định hiện hành...

Thực hiện công tác giám sát mỗi đợt chiến dịch cho trẻ uống Vitamin A tại 10 xã phường và các điểm uống.

Thực hiện các báo cáo theo từng hoạt động/báo cáo định kỳ gửi về Trung tâm Y tế thông qua khoa CSSKSS để tổng hợp gửi về tỉnh theo quy định.

Thực hiện công tác báo cáo đúng tiến độ theo quy định của chương trình

8. Về kinh phí:

Ngân sách nhà nước được cân đối ngân sách theo phân cấp ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán chi của cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ y tế, dân số, lồng ghép trong các Chương trình, Dự án có liên quan theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Tăng cường xã hội hóa, đa dạng hóa các nguồn lực tài chính; huy động các nguồn lực, các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp để thực hiện chương trình dinh dưỡng 1.000 ngày đầu theo mục tiêu, nội dung quyết định của Thủ tướng.

III. Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu được giao của Chiến lược đến năm 2025 phụ lục số liệu

IV. Đánh giá các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Được sự quan tâm hỗ trợ, theo dõi, đôn đốc xuyên suốt trong quá trình thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng của TTKSBT tỉnh, TTCSSKSS tỉnh, cũng như Ban Chỉ đạo các chương trình y tế của địa phương nên các mục tiêu đạt theo kế hoạch đề ra.

Các hoạt động của Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng trên địa bàn được chủ động lên kế hoạch, tổ chức thực hiện, theo dõi, báo cáo định kỳ, đầy đủ, kịp thời. Công tác chỉ đạo tuyên truyền thông và tập huấn được chú trọng.

Hoạt động DACTTTDDTE <5 tuổi có sự tham gia của 112 công tác viên dinh dưỡng 56 khu ấp thực hiện quản lý theo dõi, cân đo trẻ <5 tuổi SDD hàng tháng trên địa bàn được quản lý.

Trong 5 năm, Trung tâm Y tế Thuận An đã triển khai các hoạt động Dự án cải thiện dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi. Các chỉ tiêu hoạt động đều đạt kế hoạch đề ra. Tỷ lệ trẻ <5 tuổi được theo dõi cân nặng, chiều cao, đánh giá tình trạng dinh dưỡng 02 lần/ năm đạt >95%. Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, suy dinh dưỡng thể thấp còi, suy dinh dưỡng thể gầy còm trên địa bàn đều giảm theo hàng năm.

Tồn tại, hạn chế

Công tác đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho trẻ dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và mới thoát nghèo còn gặp nhiều khó khăn khi thực hiện: kinh phí cấp không có hướng dẫn chi cụ thể, kinh phí không cấp cho bộ phận chuyên môn thực hiện...không mua được dinh dưỡng cho trẻ dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi và suy dinh dưỡng chiều cao cân nặng...

Cân, thước đo, phục vụ cân đo cho trẻ < 5 tuổi của Công tác viên dinh dưỡng hư hỏng, xuống cấp chưa được trang bị mới.

V. Các đề xuất, kiến nghị cho triển khai công tác dinh dưỡng trong giai đoạn tới nhằm đảm bảo thực hiện Chiến lược:

Tăng cường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ phụ trách công tác dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và y tế học đường.

Bổ sung kinh phí cho công tác dinh dưỡng, đặc biệt cho các hoạt động truyền thông, giám sát tình trạng dinh dưỡng và can thiệp cộng đồng.

Hỗ trợ Trung tâm Y tế huyện xây dựng và triển khai các mô hình điểm về dinh dưỡng hợp lý, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân – béo phì tại cộng đồng và trường học.

Chỉ đạo phối hợp liên ngành (Giáo dục, Nông nghiệp, Lao động – Thương binh & Xã hội, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên...) trong triển khai các hoạt động về dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, và nâng cao tầm vóc người Việt Nam.

Cần có chính sách khuyến khích, hỗ trợ dài hạn cho cán bộ y tế và cộng tác viên dinh dưỡng tại cộng đồng, coi đây là một nội dung trọng tâm trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Cung cấp bổ sung vật tư phục vụ cho hoạt động của chương trình sức khỏe (cân người lớn, cân trẻ em, thước đo, cân lồng máng...)

Hoạt động chương trình can thiệp hướng dẫn cụ thể thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh.

Trong việc mua sắm trang thiết bị vật tư cần có hướng dẫn cụ thể để thực hiện dễ dàng không bị xuất toán.

Trên đây là báo cáo công tác "Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng đến năm 2025" của Trung tâm Y tế khu vực Thuận An.

Nơi nhận:

- TTKSBT;
- TYT xã, phường;
- Lưu VT, khoa YTCC, Khoa SKSS

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đỗ Thanh Tiến



Phụ lục: Bảng số liệu

Stt	Nội dung chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện					Ghi chú
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG CHỈ TIÊU							
1	Tỷ lệ trẻ 6-23 tháng tuổi có chế độ ăn đúng, đủ	%						
2	Tỷ lệ người trưởng thành tiêu thụ đủ số lượng rau quả hàng ngày	%						
3	Tỷ lệ TTYT, TYT có triển khai truyền thông, tư vấn dinh dưỡng cho các đối tượng	%	100%	100%	100%	100%	100%	
4	Tỷ lệ bệnh viện tổ chức thực hiện các hoạt động khám, tư vấn và điều trị bằng chế độ dinh dưỡng phù hợp với tình trạng dinh dưỡng, bệnh lý cho người bệnh	%						
5	Tỷ lệ SDD thấp còi ở trẻ dưới 5 tuổi	%	5,18%	4,06%	3,66%	3,40%	2,60%	
6	Tỷ lệ SDD gầy còm ở trẻ dưới 5 tuổi	%	0,63%	0,72%	0,82%	0,70%	0,90%	
7	Tỷ lệ SDD nhẹ cân ở trẻ dưới 5 tuổi	%	2,57%	2,44%	2,26%	2,10%	1,80%	
8	Tỷ lệ TC-BP ở trẻ dưới 5 tuổi	%	2,03%	5,01%	4,70%	4,10%	3,30%	
9	Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong 1 giờ đầu sau sinh	%	85%	85%	85%	85%	85%	
10	Tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng tuổi được	%	30,50%	28,40%	32,00%	32,20%	30%	



Stt	Nội dung chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện					Ghi chú
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ							
11	Tỷ lệ trẻ có cân nặng sơ sinh dưới 2.500 gram	%	1,06%	0,99%	1,04%	1,15%	0,89%	
12	Tỷ lệ SDD thấp còi trẻ em 5-18 tuổi	%						
13	Tỷ lệ phụ nữ có thai được bổ sung vi chất sắt hoặc vi chất dinh dưỡng theo phác đồ dự phòng	%	00	00	00	00	00	
14	Tỷ lệ trẻ 6 – 35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A liều cao	%	0	98,70%	99,30%	98,20%	99,14	
15	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng muối iốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh hoặc gia vị mặn có iốt hằng ngày	%						
16	Tỷ lệ trẻ dưới 16 tuổi SDD thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được bổ sung vi chất dinh dưỡng	%	0	0	0	0	0	
17	Tỷ lệ cán bộ làm công tác dinh dưỡng thuộc lĩnh vực y tế dự phòng các tuyến được đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức về dinh dưỡng:	%	100%	100%	100%	100%	100%	
	TRUYỀN THÔNG							

Stt	Nội dung chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện					Ghi chú
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Truyền thông trực tiếp, nói chuyện chuyên đề về dinh dưỡng	lượt người	400	400	400	400	400	
2	Truyền hình, đài phát thanh, loa phát thanh, chiếu đĩa	lần	1.340	1.340	1.340	1.340	655	
3	Treo băng rôn, pano, phát cầm nang, tờ rơi...	cái, tờ	50	50	50	25	25	
4	Tư vấn thực hành dinh dưỡng	lượt người	2.250	2.250	2.250	2.250	2.250	
5	Đăng tin, bài trên website, fanpage	lần	5	5	5	5	5	
	TẬP HUẤN							
1	Dự tập huấn từ tuyến trên	lớp	5	5	5	5	3	
2	CDC tập huấn cho tuyến dưới	lớp						
3	TTYT tập huấn cho cán bộ phụ trách chương trình tại TYT	lớp	1	2	2	2	2	
4	TYT tập huấn cho CTV	lớp	3	3	3	3	2	
	CAN THIỆP							
	<i>Cân đo, đánh giá và theo dõi TTDD trẻ < 5 tuổi tại TYT</i>		10/10 xã/phường	10/10 xã/phường	10/10 xã/phường	10/10 xã/phường	10/10 xã/phường	
1	- Tỷ lệ trẻ 0 – 24 tháng tuổi được cân, đo và theo dõi biểu đồ tăng trưởng mỗi 3 tháng	%	100	100	100	100	100	
	- Tỷ lệ trẻ 25 – 60 tháng tuổi được cân, đo và	%	98,5	97,5	96,5	97,5	98	

Stt	Nội dung chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện					Ghi chú
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	đánh giá tình trạng dinh dưỡng ít nhất 1 lần trong năm							
	- Tỷ lệ trẻ 0 – 24 tháng tuổi bị SDD thể nhẹ cân được theo dõi cân nặng hàng tháng (%)	%	100	100	100	100	100	
	- Tỷ lệ trẻ 0 – 24 tháng tuổi bị SDD thể thấp còi được theo dõi chiều cao hàng tháng (%)	%	100	100	100	100	100	
2	Cân đo, đánh giá TTDD trẻ tại trường học							
	- Tỷ lệ học sinh tham gia khám sức khỏe tại trường học	%						
3	Cân đo, đánh giá và theo dõi TTDD trẻ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo							
	- Số trẻ < 16 tuổi được cân đo, đánh giá tình trạng dinh dưỡng	trẻ	0	0	0	838	838	
	- Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi bị SDD thể thấp còi	%				0,033	0,025	
	- Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi bị SDD thể gầy còm	%				0,008	0	
	- Tỷ lệ trẻ 5 - < 16 tuổi bị SDD thể thấp còi	%	0	0	0	72	72	

Stt	Nội dung chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện					Ghi chú
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	- Tỷ lệ trẻ 5 - < 16 tuổi bị SDD thể gây còm	%	0	0	0	5,9	5,9	
4	Số trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung Vitamin A	Trẻ	0	17172	21232	17727	18201	
5	Số phụ nữ mang thai được bổ sung vi chất sắt theo phác đồ dự phòng	Phụ nữ	00	00	00	00	00	
6	Số viên sắt đã cấp cho nữ 12-16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo	Viên						
	Số nữ sinh THPT được cấp viên sắt miễn phí/năm học	Viên						
	ĐIỀU TRA, GIÁM SÁT							
1	Điều tra TTDD bà mẹ và trẻ dưới 5 tuổi		0	0	0	555	1.283	
2	Điều tra mức tiêu thụ muối trung bình ở người trưởng thành 18-69 tuổi tại 5 phường xã		150	150	150	150	110	
3	Thành phố thực hiện giám sát sử dụng muối và gia vị bổ sung iốt tại hộ gia đình (hộ)							
4	TTYT giám sát sử dụng muối và gia vị bổ sung iốt tại hộ gia đình	hộ	0	0	0	555	1283	

Stt	Nội dung chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện					Ghi chú
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
5	TTYT giám sát hoạt động CHƯƠNG TRÌNH DINH DƯỠNG TẠI TYT	lượt						
6	TTYT giám sát hoạt động công tác y tế trường học, tổ chức bữa ăn học đường	trường						
7	Quận huyện kiểm tra, giám sát về an toàn về sinh thực phẩm	lượt						
8	Giám sát tư vấn dinh dưỡng cho bệnh không lây tại TYT	TYT						
9	TTYT kiểm tra quản lý, sử dụng vitamin A tại các TYT	TYT	10	10	10	10	10	
	KINH PHÍ ĐƯỢC CẤP							
1	Hoạt động Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	VNĐ	312.412.000	148.870.000	263.410.000	349.653.000	347.455.000	
2	Hoạt động Cải thiện dinh dưỡng thuộc CTMTQG GNBV	VNĐ	0	0	0	112.500.000	112.500.000	
3	Hoạt động dinh dưỡng khác	VNĐ						